

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHONG THỔ
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2023/HS-ST
Ngày: 26/5/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG THỔ, TỈNH LAI CHÂU

- T1 phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Quang Minh - Ông Lò Văn Chiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Lò Thị Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 48/2023/TLST-HS ngày 03 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2023/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 4 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2023/HSST-QĐ ngày 05/5/2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Đèo Văn D**; (Tên gọi khác: Không); Sinh năm: 1978; nơi sinh: Huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu;

Nơi cư trú: Thôn Tây An, xã Mường So, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 4/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Con ông Đèo Văn Chải (đã chết) và bà Đèo Thị Chải (đã chết); Bị cáo có vợ Lò Thị Dương, sinh năm: 1978 và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2001, con nhỏ nhất sinh năm: 2006; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/12/2022 đến ngày 05/01/2023, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Nguyễn Văn T**; (Tên gọi khác: Không); Sinh năm: 1987; nơi sinh: Huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu;

Nơi cư trú: Thôn Tây An, xã Mường So, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 10/12; Con ông:

Nguyễn Văn Long sinh năm 1962 và bà: Lương Thị Y sinh năm 1965; Bị cáo có vợ Đồng Thị Thuận sinh năm: 1985 và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2007, con nhỏ nhất sinh năm: 2023; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/12/2022 đến ngày 05/01/2023, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Đồng Xuân H**; (Tên gọi khác: Không); Sinh năm: 1974; nơi sinh: Huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu;

Nơi cư trú: Thôn Tây An, xã Mường So, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu; Giới tính: Nam; Dân tộc: Thái; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 5/12; Con ông: Thùng Văn Keng (đã chết) và bà: Vàng Thị Sỳ sinh năm 1949; Bị cáo có vợ Điều Thị Nón sinh năm: 1975 và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 1999, con nhỏ nhất sinh năm: 2002; tiền sự: Không;

Tiền án: 01 tiền án. Tại bản án số: 69/2021/HS-ST ngày 24/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu, bị cáo bị xử phạt 01 năm 04 tháng tù về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy (chưa được xóa án tích).

Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05/01/2023 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: **Nguyễn Ngọc H1**; (Tên gọi khác: Không); Sinh năm: 1989; nơi sinh: Huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu;

Nơi cư trú: Thôn Tây Nguyên, xã Mường So, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông: Nguyễn Thiết Đàn (đã chết) và bà: Nguyễn Thị Huệ sinh năm 1965; Bị cáo có vợ Lương Thị Tươi sinh năm: 1990 và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2012, con nhỏ nhất sinh năm: 2017; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Tại bản án số: 20/2008/HSST ngày 22/02/2008 của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu, bị cáo bị xử phạt 06 tháng tù về tội: Trộm cắp tài sản (đã được xóa án tích).

Năm 2020 Nguyễn Ngọc H1 bị Công an huyện Phong Thổ ra Quyết định số: 25/QĐ-XPHC ngày 15/6/2020 về xử phạt vi phạm hành chính về hành vi: Đánh bạc (đã được xóa tiền sự).

Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05/01/2023 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: **Đồng Văn T1**; (Tên gọi khác: Không); Sinh năm: 1988; nơi sinh: Huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu;

Nơi cư trú: Thôn Tây An, xã Mường So, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu; Giới tính: Nam; Dân tộc: Thái; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông: Đồng Văn Sinh (đã chết) và bà: Lý Thị Mực sinh năm 1966; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/12/2022 đến ngày 05/01/2023, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

6. Họ và tên: **Đèo Văn D**; (Tên gọi khác: Không); Sinh năm: 1981; nơi sinh: Huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu;

Nơi cư trú: Thôn Tây An, xã Mường So, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu; Giới tính: Nam; Dân tộc: Thái; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông Đèo Văn Chái (đã chết) và bà Đèo Thị Châu (đã chết); Bị cáo có vợ Teo Thị Quyên sinh năm: 1980 và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2001, con nhỏ nhất sinh năm: 2008; Tiền án, tiền sự: Không; **Bị cáo là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, hiện đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo quyết định số: 58-QĐ/UBKTHU ngày 18/4/2023.**

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/12/2022 đến ngày 05/01/2023, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

7. Họ và tên: **Đèo Văn D1**; (Tên gọi khác: Không); Sinh năm: 1976; nơi sinh: Huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu;

Nơi cư trú: Thôn Tây An, xã Mường So, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu; Giới tính: Nam; Dân tộc: Thái; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: không biết chữ; Con ông Đèo Văn Chái (đã chết) và bà Đèo Thị Châu (đã chết); Bị cáo có vợ Teo Thị Voi sinh năm: 1976 và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2008, con nhỏ nhất sinh năm: 2007; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/12/2022 đến ngày 05/01/2023, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

8. Họ và tên: **Đèo Văn B**; (Tên gọi khác: Không); Sinh năm: 1984; nơi sinh: Huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu;

Nơi cư trú: Thôn Tây An, xã Mường So, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu; Giới tính: Nam; Dân tộc: Thái; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông Đèo Văn Phào (đã chết) và bà Teo Thị Ỏm sinh năm: 1953; Bị cáo có vợ Má Thị Thỉnh sinh năm: 1986 và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2009, con nhỏ nhất sinh năm: 2017; Tiền án, tiền sự: Không; **Bị cáo là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, hiện đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo quyết định số: 59-QĐ/UBKTHU ngày 18/4/2023.**

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/12/2022 đến ngày 05/01/2023, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng: Vàng Văn Lưu; Sinh năm: 1979

Địa chỉ: Thôn Tây An, xã Mường So, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 26/12/2022, Nguyễn Văn T, Đồng Văn T1, Đèo Văn B, Đèo Văn D1, Đèo Văn D, Đèo Văn D, Đồng Xuân H, đến ăn cơm tân gia nhà mới tại gia đình anh Vàng Văn Lưu, trú tại thôn Tây An, xã Mường So, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, sau khi ăn cơm xong, 07 người cùng rủ nhau đánh bạc, D đưa tiền cho T để T mua bộ bài tú lơ khơ. Mọi người thống nhất cách chơi bằng hình thức đánh Liêng ăn tiền, sau khi 07 người đánh bạc được khoảng 30 phút thì có Nguyễn Ngọc H1 cùng tham gia chơi.

Thống nhất cách chơi như sau: 01 bộ bài 52 quân tú lơ khơ, tiền sử dụng để đánh bạc thì có người cầm trên tay, có người để trước mặt tại vị trí ngồi đánh bạc, có người thì cất vào trong túi quần áo, ví, còn tiền cược và tiền gà thì mọi người thống nhất để chính giữa mặt bàn. Lượt chia bài đầu tiên xác định ai cao điểm nhất thì được cầm cái chia bài, ở lượt chơi này mọi người chưa đặt gà. So điểm thì T là người cao điểm nhất nên T được cầm cái và chia bài ở ván cược đầu tiên.

Cách thức đánh bạc như sau: Mỗi người tham gia chơi đặt một số tiền cược quy định 10.000 đồng (gọi là tiền gà) cho mỗi lượt chơi, nếu đặt cược riêng (gọi là tố) thì chỉ đặt cược cao nhất 30.000 đồng, người chia bài là người cầm cái và chia cho mỗi người 03 quân bài. Trước khi bắt đầu chơi, tất cả 08 người chơi bỏ ra tiền gà bằng nhau mỗi người 10.000 đồng. Khi chia bài xong thì mọi người xem bài của mình, sau đó người chơi sẽ có các lựa chọn như sau: Úp bài nếu bài của mình quá thấp điểm, không thể thắng, người chơi có thể chọn úp bài. Nếu úp bài người chơi bị mất đi số tiền cược ban đầu và kết thúc ván bài tại đó, theo là đặt tiền cược đúng bằng số tiền của người ở cửa trên đặt; Tố là đặt thêm tiền cược cao hơn số tiền của những người cửa trên đã đặt tố đa không quá 30.000 đồng, mỗi ván chỉ tố một vòng duy nhất. Bài so sánh như sau: Sáp > Liêng > ảnh > 9 > 8 > ... > 0. T cầm cái chia cho mỗi người 03 quân bài. Chia bài xong người tham gia đánh bạc cầm 03 quân bài của mình lên xem, nếu ai theo thì sẽ đặt cược tiếp, ai không theo thì úp bài xuống, những người theo thì đến khi nào đặt đến mức 30.000 đồng thì mở bài ra xem ai hơn điểm thì thắng.

Đến khoảng hơn 22 giờ cùng ngày Đồng Xuân H không tham gia đánh bạc nữa còn 07 người tiếp tục đánh bạc. Khoảng 04-05 phút sau, Nguyễn Ngọc H1 đi ra ngoài vệ sinh, tiền đánh bạc và điện thoại, H1 để trên mặt bàn tại vị trí H1 ngồi. Đến 22 giờ

50 phút cùng ngày khi Nguyễn Văn T, Đồng Văn T1, Đèo Văn D, Đèo Văn D1, Đèo Văn B, Đèo Văn D đang đánh bạc thì bị công an huyện Phong Thổ phát hiện bắt quả tang thu giữ 01 bộ bài và thu giữ tại CH1 bạc số tiền là 5.190.000 đồng (*thu giữ tại vị trí H1 ngòai 4.920.000 đồng, tiền đặt gà giữa bàn đánh bạc 60.000 đồng, tiền thu giữ trên tay B 210.000 đồng*).

Ngoài ra cơ quan điều tra còn thu giữ số tiền **4.631.000** đồng trong đó số tiền đánh bạc là 2.121.000 đồng, cụ thể:

Thu giữ của Nguyễn Văn T số tiền 1.570.000 đồng, trong đó **60.000** đồng là tiền đánh bạc; thu giữ của Đồng Văn T1 số tiền 1.230.000 đồng, trong đó **230.000** đồng là tiền đánh bạc; thu giữ của Đèo Văn D số tiền đánh bạc **50.000** đồng; thu giữ của Đèo Văn D1 số tiền đánh bạc **100.000** đồng; thu giữ của Đèo Văn D số tiền đánh bạc **1.470.000** đồng; thu giữ của Đèo Văn B số tiền đánh bạc **211.000** đồng. Như vậy tổng số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là **7.311.000** đồng

Về vật chứng của vụ án: Thu giữ 01 bộ bài của Đèo Văn D; 01 điện thoại di động Nokia màu đen của Đồng Văn T1; 01 điện thoại Masstel màu Xanh của Đèo Văn D1; 01 điện thoại Sam Sung Galaxy grand prime màu Trắng của Đèo Văn D; 01 điện thoại Vsmart màu xanh tím của Đèo Văn D; 01 điện thoại NOKIA 1280 màu đen, của Nguyễn Văn T; 01 điện thoại OPPO màu trắng, có ốp lưng màu đen của Nguyễn Ngọc H1; thu giữ số tiền 9.821.000 đồng, hiện các vật chứng trên đang được lưu giữ tại Kho vật chứng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Thổ.

Tại bản kết luận giám định số 102/KL-KTHS ngày 17/01/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Lai Châu kết luận: số tiền 9.821.000 (chín triệu tám trăm hai mươi mốt nghìn đồng) tiền Việt Nam gửi đến giám định là tiền thật.

Tại bản Cáo trạng số 13/CT-VKSPT ngày 02/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu đã truy tố các bị cáo: Đèo Văn D, Nguyễn Văn T, Đồng Xuân H, Nguyễn Ngọc H1, Đồng Văn T1, Đèo Văn D, Đèo Văn D1, Đèo Văn B về tội: “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của pháp luật và tuyên phạt các bị cáo cụ thể như sau:

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Đồng Xuân H từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc H1 07 tháng đến 10 tháng cải tạo không giam giữ.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Đèo Văn D từ 07 tháng đến 10 tháng cải tạo không giam giữ.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T, từ 07 tháng đến 10 tháng cải tạo không giam giữ.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 Bộ luật hình sự. Xử phạt các bị cáo Đồng Văn T1, Đèo Văn D, Đèo Văn D1, Đèo Văn B từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo D, T, T1, D, D1, B, H1 trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Về hình phạt bổ sung: Xét về điều kiện kinh tế của các bị cáo D, T, T1, D, D1, B, H còn khó khăn, các bị cáo nghề nghiệp lao động tự do, thu nhập không ổn định, nên đề nghị Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo Nguyễn Ngọc H1 xét thấy cần áp dụng hình phạt bổ sung để răn đe giáo dục bị cáo T1 công dân tốt, vì vậy căn cứ vào điểm e khoản 2 Điều 32, khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự đề nghị HĐXX áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a, b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu nộp ngân sách nhà nước đối với số tiền 7.311.000 đồng là số tiền do các bị cáo đánh bạc; Đề nghị trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T số tiền 1.510.000 đồng; Đồng Văn T1 số tiền 1.000.000 đồng; Trả lại cho bị cáo Đồng Văn T1 01 điện thoại di động Nokia màu đen; Đèo Văn D1 01 điện thoại Masstel màu Xanh; Đèo Văn D 01 điện thoại Sam Sung Galaxy grand prime màu Trắng; Đèo Văn D 01 điện thoại Vsmart màu xanh tím; Nguyễn Văn T 01 điện thoại NOKIA 1280 màu đen; Nguyễn Ngọc H1 01 điện thoại OPPO màu trắng, có ốp lưng màu đen do không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo; Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 135; Khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn T, Đồng Văn T1, Nguyễn Ngọc H1, Đồng Xuân H, Đèo Văn B phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ khoản 2 Điều 135; Khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm d khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý

và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với các bị cáo Đèo Văn D, Đèo Văn D1, Đèo Văn D thuộc hộ cận nghèo đề nghị miễn án phí cho các bị cáo.

Các bị cáo không bổ sung ý kiến gì thêm và nhất trí với bản cáo trạng và không tranh luận với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật và hứa không tái phạm, rất mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phong Thổ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt người làm chứng. Hội đồng xét xử (HĐXX) xét thấy hồ sơ đã có đầy đủ lời khai của người làm chứng, vì vậy việc vắng mặt của người làm chứng không ảnh hưởng đến việc giải quyết nội dung vụ án. Căn cứ vào Điều 293; Điểm d khoản 2 Điều 308 - Bộ luật tố tụng hình sự, HĐXX quyết định vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[3] Về hành vi phạm tội của các bị cáo Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận thấy như sau:

Tại phiên tòa ngày hôm nay các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với bản kết luận điều tra, phù hợp với nội dung bản cáo trạng đã truy tố, như vậy có đủ cơ sở khẳng định:

Khoảng 21 giờ 00 phút ngày 26/12/2022 tại nhà ở của anh Vàng Văn Lưu có địa chỉ thôn Tây An, xã Mường So, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Đèo Văn D, Nguyễn Văn T, Đồng Xuân H, Nguyễn Ngọc H1, Đồng Văn T1, Đèo Văn D, Đèo Văn D1, Đèo Văn B cùng nhau Đánh bạc dưới hình thức đánh liêng ăn tiền với nhau, quy định 10.000 đồng (gọi là tiền gà) cho mỗi lượt chơi, nếu đặt cược riêng (gọi là tố) thì chỉ đặt cược cao nhất 30.000 đồng, người chia bài là người cầm cái và chia cho mỗi người 03 quân bài. Chia bài xong người tham gia đánh bạc cầm 03 quân bài của mình lên xem, nếu ai theo thì sẽ đặt cược tiếp, ai không theo thì úp bài xuống, những

người theo thì đến khi nào đặt đến mức 30.000 đồng thì mở bài ra xem ai hơn điểm thì thắng. Số tiền cơ quan điều tra thu tại CH1 bạc là 5.190.000 đồng và thu của các bị cáo T, T1, D1, D D tổng số tiền 2.121.000 đồng, là số tiền các bị cáo đánh bạc. Như vậy tổng số tiền đánh bạc của 08 bị cáo là: 7.311.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu T1 tội: "Đánh bạc" theo quy định tại các khoản 1 điều 321 - Bộ luật hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ truy tố các bị cáo về tội: "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 - Bộ luật hình sự là có căn cứ đúng quy định của pháp luật.

[4] Đánh giá về vai trò đồng phạm trong vụ án này: Các bị cáo phạm tội không có sự bàn bạc, phân công vai trò của từng người khi thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy đây là trường hợp đồng phạm giản đơn. Đánh giá về nhân thân bị cáo H có 01 tiền án về tội "tàng trữ trái phép chất ma túy" chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội nên phải chịu mức hình phạt cao nhất so với các bị cáo còn lại.

Đối với bị cáo Nguyễn Ngọc H1 là người có số tiền dùng đánh bạc nhiều nhất nên phải chịu mức hình phạt cao thứ hai sau bị cáo H, các bị cáo D, T chủ động mua bộ bài để cùng các bị cáo khác tham gia chơi, vì vậy mức hình phạt cao thứ ba, các bị cáo T1, D, D1, B là những người tham gia đánh bạc có mức hình phạt đứng thứ tư trong vụ án này.

[5] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã làm ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế của gia đình và xã hội, cũng từ hành vi "Đánh bạc" dẫn đến việc sa sút kinh tế của rất nhiều gia đình và là nguyên nhân dẫn đến phát sinh nhiều tội phạm khác.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo H có một tiền án nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, đó là: "*Tái phạm*".

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa ngày hôm nay, các bị cáo **D, T, T1, D, D1, B, H, H1** đã T1 khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo **D, T, T1, D, D1, B** phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, là người dân tộc thiểu số nên nhận thức pháp luật còn hạn chế. Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo H là người dân tộc thiểu tuy nhiên đã từng bị xét xử về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy, bị cáo H1 đã từng bị xét xử về tội: Trộm cắp tài sản các bị cáo nhận thức được thể nào là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn tiếp tục phạm tội nên không được xem xét áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo **H** có bố đẻ là ông Thùng Văn Keng,

được Nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến chống mỹ nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo **H1** đã tích cực hợp tác với cơ quan điều tra Công an huyện Phong Thổ có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm để phục vụ cho công tác đấu tranh phòng chống tội phạm và đảm B an ninh trật tự tại địa phương, vì vậy Công an huyện Phong Thổ có công văn số: 10/ĐN-CQCSĐT ngày 21/3/2023 đề nghị ghi nhận T1 tích này của bị cáo, nên HĐXX xem xét cho bị cáo H1 được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Do đó, HĐXX xem xét cho các bị cáo D, T1, D, D1, B được áp dụng 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong đó có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và 01 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo H được áp dụng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong đó có 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo T được áp dụng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo H1 được áp dụng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[8] Xét về nhân thân: Các bị cáo D, T, T1, D, D1, B có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, chưa có tiền án tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, là những người có nhân thân tốt, quá trình sinh sống tại địa phương các bị cáo chưa vi phạm pháp luật lần nào, cũng chưa bị cơ quan có thẩm quyền nào xử lý. HĐXX xét thấy các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, mà khi quyết định hình phạt không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra ngoài đời sống xã hội mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ và giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục cũng đủ điều kiện để cải tạo các bị cáo T1 người có ích cho xã hội.

Đối với bị cáo Nguyễn Ngọc H1 đã từng bị xét xử và đã được xóa án tích và bị cáo đã có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm để phục vụ cho công tác đấu tranh phòng chống tội phạm. Hội đồng xét xử nhận thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ và giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục cũng đủ điều kiện để cải tạo bị cáo T1 người có ích cho xã hội.

Trong thời gian cải tạo không giam giữ miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo **D, T, T1, D, D1, B, H1.**

Bị cáo Đồng Xuân H có một tiền án, không chịu tu D rèn luyện bản thân, nên cũng cần phải có một mức án nghiêm khắc để cải tạo giáo dục bị cáo T1 công dân có ích cho xã hội đồng thời cũng răn đe phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[9] Về hình phạt bổ sung: Xét về điều kiện kinh tế của các bị cáo D, T, T1, D, D1, B, H còn khó khăn, các bị cáo nghề nghiệp lao động tự do, thu nhập không ổn định, nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo Nguyễn Ngọc H1 xét thấy cần áp dụng hình phạt bổ sung để răn đe giáo dục bị cáo T1 công dân tốt, vì vậy căn cứ vào điểm e khoản 2 Điều 32, khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[10] Xử lý vật chứng:

Số tiền 7.311.000 đồng là số tiền do các bị cáo đánh bạc nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước; Đối với số tiền 1.510.000 đồng thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn T, số tiền 1.000.000 đồng thu giữ của Đồng Văn T1 là tiền không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên cần trả lại cho các bị cáo.

Thu giữ của bị cáo Đồng Văn T1 01 điện thoại di động Nokia màu đen; Đèo Văn D1 01 điện thoại Masstel màu Xanh; Đèo Văn D 01 điện thoại Sam Sung Galaxy grand prime màu Trắng; Đèo Văn D 01 điện thoại Vsmart màu xanh tím; Nguyễn Văn T 01 điện thoại NOKIA 1280 màu đen; Nguyễn Ngọc H1 01 điện thoại OPPO màu trắng, có ốp lưng màu đen do không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên trả lại cho các bị cáo; 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân cần tịch thu tiêu hủy.

[11] Các vấn đề khác: Đối với Vàng Văn Lưu là chủ ngôi nhà nơi các bị cáo đánh bạc, do các bị cáo tự ý đánh bạc không hỏi ý kiến anh Lưu và anh Lưu không thu lợi bất chính gì từ việc đánh bạc của các bị cáo, nên anh Lưu không cấu T1 tội phạm.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Nguyễn Văn T, Đồng Văn T1, Nguyễn Ngọc H1, Đồng Xuân H, Đèo Văn B, mỗi người phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo Đèo Văn D, Đèo Văn D1, Đèo Văn D thuộc hộ cận nghèo, nên miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo: Đèo Văn D, Nguyễn Văn T, Đồng Xuân H, Nguyễn Ngọc H1, Đồng Văn T1, Đèo Văn D, Đèo Văn D1, Đèo Văn B phạm tội: “Đánh bạc”

1. Về hình phạt:

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 - Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Đồng Xuân H** 06 (sáu) tháng tù, thời hạn thi hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 - Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Ngọc H1** 01 (một) năm cải tạo không giam giữ.

Về hình phạt bổ sung: Căn cứ vào điểm e khoản 2 Điều 32, khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự. Xử phạt Nguyễn Ngọc H1 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) nộp vào ngân sách nhà nước.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T**, 01 (một) năm cải tạo không giam giữ (*bị cáo đã bị tạm giữ 09 ngày = 27 ngày cải tạo không giam giữ*) khấu trừ cho bị cáo 27 ngày. Thời hạn cải tạo còn lại của bị cáo là 11 tháng 03 ngày.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 - Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Đèo Văn D**, 01 (một) năm cải tạo không giam giữ (*bị cáo đã bị tạm giữ 09 ngày = 27 ngày cải tạo không giam giữ*) khấu trừ cho bị cáo 27 ngày. Thời hạn chấp hành còn lại của bị cáo là 11 tháng 03 ngày.

Xử phạt bị cáo **Đồng Văn T1**, 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ (*bị cáo đã bị tạm giữ 09 ngày = 27 ngày cải tạo không giam giữ*) khấu trừ cho bị cáo 27 ngày. Thời hạn chấp hành còn lại của bị cáo là 08 tháng 03 ngày.

Xử phạt bị cáo **Đèo Văn D**, 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ (*bị cáo đã bị tạm giữ 09 ngày = 27 ngày cải tạo không giam giữ*) khấu trừ cho bị cáo 27 ngày. Thời hạn chấp hành còn lại của bị cáo là 08 tháng 03 ngày.

Xử phạt bị cáo **Đèo Văn D1**, 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ (*bị cáo đã bị tạm giữ 09 ngày = 27 ngày cải tạo không giam giữ*) khấu trừ cho bị cáo 27 ngày. Thời hạn chấp hành còn lại của bị cáo là 08 tháng 03 ngày.

Xử phạt bị cáo **Đèo Văn B**, 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ (*bị cáo đã bị tạm giữ 09 ngày = 27 ngày cải tạo không giam giữ*) khấu trừ cho bị cáo 27 ngày. Thời hạn chấp hành còn lại của bị cáo là 08 tháng 03 ngày.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Đèo Văn D, Nguyễn Văn T, Đồng Xuân H, Đồng Văn T1, Đèo Văn D, Đèo Văn D1, Đèo Văn B.

Giao các bị cáo Đèo Văn D, Nguyễn Văn T, Nguyễn Ngọc H1, Đồng Văn T1, Đèo Văn D, Đèo Văn D1, Đèo Văn B cho Ủy ban nhân dân xã Mường So, huyện

Phong Thổ tỉnh Lai Châu có trách nhiệm giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian giám sát giáo dục tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Mường So nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

“Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 99 - Luật thi hành án hình sự. Trường hợp người bị kết án cải tạo không giam giữ vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thì thực hiện theo quy định tại điều 100 - Luật thi hành án hình sự”.

2. Về vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điểm a, b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 7.311.000 đồng.
- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T số tiền 1.510.000 đồng và 01 điện thoại NOKIA 1280 màu đen.
- Trả lại cho bị cáo Đồng Văn T1 số tiền 1.000.000 đồng và 01 điện thoại di động Nokia màu đen.
- Trả lại cho bị cáo Đèo Văn D1 01 điện thoại Masstel màu Xanh.
- Trả lại cho bị cáo Đèo Văn D 01 điện thoại Sam Sung Galaxy grand prime màu Trắng.
- Trả lại cho bị cáo Đèo Văn D 01 điện thoại Vsmart màu xanh tím.
- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Ngọc H1 01 điện thoại OPPO màu trắng, có ốp lưng màu đen.
- Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/4/2023 giữa Cơ quan điều tra Công an huyện Phong Thổ với Chi cục THADS huyện Phong Thổ).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Văn T, Đồng Văn T1, Nguyễn Ngọc H1, Đồng Xuân H, Đèo Văn B, mỗi người phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Miễn toàn bộ 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm cho mỗi bị cáo Đèo Văn D, Đèo Văn D1, Đèo Văn D.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án lên Toà án nhân dân tỉnh lai Châu./.

**T1 VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phương

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS tỉnh, huyện ;
- THA dân sự ;
- Cơ quan THAHS;
- THA PT;
- Các bị cáo;
- Sở Tư pháp;
- UBND xã Mường So;
- Công bố trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án;
- Lưu: HS - TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phương

